

QUẢN LÝ VIỆC SỬ DỤNG TIẾNG ANH TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ THEO TIẾP CẬN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

NGUYỄN ĐỖ NHƯ HÂN* - NGUYỄN VĂN TÚ**

Ngày nhận bài: 31/05/2016; ngày sửa chữa: 07/06/2017; ngày duyệt đăng: 07/06/2016.

Abstract: *Improving English skills is required to train high quality human resources in Vietnam today in the context of technological development and international integration. This is the long-term target and the key to compete between education institutions, especially in postgraduate training. Management of English teaching in postgraduate training towards approach of quality assurance must be taken into consideration to meet the needs of learners and requirements on high quality human resources of society.*

Keyword: *Training facilities, postgraduate, quality assurance, manage, teaching English.*

1. Giáo dục - đào tạo (GD-ĐT) thế giới trong thế kỷ XXI đang chuyển mạnh từ giáo dục (GD) tinh hoa sang GD đại chúng, từ việc chỉ cung cấp tri thức sang chủ yếu phát triển năng lực toàn diện của người học. Sự phát triển của kinh tế tri thức, của toàn cầu hóa, sự bùng nổ của GD đã tạo điều kiện cho mỗi người được “học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình”. Con người đang xích lại gần nhau một cách thân thiện để giải quyết những vấn đề của toàn cầu như xung đột vũ trang, biến đổi khí hậu, đói nghèo, bất bình đẳng,... Nhiều ngôn ngữ trên thế giới, trong đó có tiếng Anh (TA), được “quốc tế hóa” để phát triển GD-ĐT, khoa học - công nghệ (KH-CN), để giao lưu và hội nhập như một phương tiện của hòa bình, hữu nghị. Nhiều quốc gia phát triển trên thế giới xem TA là động lực, phương tiện để phát triển KT-XH. Singapore chỉ trong năm mươi năm đã từ một thuộc địa, trở thành một quốc đảo lớn mạnh, một con rồng châu Á vì đã xác định “nếu thắng trong GD, sẽ thắng trong kinh tế” và “TA là chìa khóa của mọi thành công”.

Ở Việt Nam, từ năm 1980, khi tiến hành cải cách GD lần thứ ba, TA đã trở thành một môn học quan trọng trong nhà trường ở các cấp học, bậc học. Ở miền Nam trước năm 1975, TA là môn học phổ biến, thông dụng trong nhà trường và trong đời sống xã hội. Hiện nay, sự phát triển của việc dạy học và sử dụng TA ở nước ta đã tạo cơ hội để đi tắt, đón đầu, tiếp nhận các tri thức KH-CN hiện đại trên thế giới, làm cho quá trình đổi mới và hội nhập tiến nhanh và bền vững trên các lĩnh vực. Năm 2008, Chính phủ đã phê duyệt đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020” với

mục tiêu đến năm 2020 có 30% số cán bộ, viên chức trong các cơ quan nhà nước có trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên. Chương trình dạy học TA ở phổ thông, việc phát triển các cơ sở GD có yếu tố nước ngoài; các chương trình GD, đào tạo (ĐT) theo chuẩn quốc tế; điều kiện tuyển sinh, chuẩn đầu ra TA trong ĐT trình độ đại học (ĐH), trình độ sau đại học (SĐH); các tiêu chí chung về chuẩn ĐT nguồn nhân lực có trình độ cao trong khu vực và thế giới,... đã có tác động thúc đẩy hoạt động học TA và giảng dạy bằng TA ở Việt Nam. Đối với GD phổ thông, đề án dạy học các môn bằng TA được thực hiện ở các trường trung học phổ thông (THPT) Chuyên, để đến năm 2020, có 50% học sinh đạt bậc 3 về ngoại ngữ theo tiêu chí của Hiệp hội các tổ chức khảo thí ngoại ngữ châu Âu. Đối với giáo dục đại học (GDĐH), mục tiêu đến năm 2020, sinh viên (SV) tốt nghiệp có thể sử dụng, giao tiếp TA trong làm việc, tạo cơ hội cho nguồn nhân lực của Việt Nam hội nhập với khu vực ASEAN, Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và thế giới. Đối với hoạt động ĐT trình độ thạc sĩ (ThS), tiến sĩ (TS), việc giảng dạy các học phần bằng TA, năng lực sử dụng TA của các chuyên gia, giảng viên (GV), của học viên (HV), nghiên cứu sinh (NCS) là một trong những tiêu chí để đánh giá chất lượng, hiệu quả, uy tín của cơ sở ĐT. Tuy nhiên, vấn đề quản lý giảng dạy các học phần bằng TA trong các cơ sở GDĐH, năng lực TA thực tế của HV, NCS đang có những bất cập, cần tiếp tục giải quyết.

* NCS. Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

** Trường Đại học Vinh

2. Hiện nay, nhiều cơ sở ĐT trình độ SĐH ở trong nước đã tổ chức giảng dạy một số học phần, chuyên ngành ĐT bằng TA hoặc liên kết với các cơ sở GDĐH ở nước ngoài ĐT trình độ ThS, TS bằng TA. Giảng dạy học phần, nghiên cứu đề tài, tổ chức hoạt động seminar, viết tiểu luận khoa học,... bằng TA trong ĐT trình độ SĐH có một vị trí quan trọng trong bối cảnh kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế. Đó là một trong những động lực có tác dụng thúc đẩy, tăng cường khả năng tiếp cận, khai thác các nguồn tài liệu khoa học và chuyên môn của các nước tiên tiến; tạo điều kiện cho GV và người học công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế, tham dự các hội thảo quốc tế. Đó cũng là tiêu chí của chuẩn đầu ra, là điều kiện để người học có khả năng thích ứng với môi trường toàn cầu, cơ hội nghiên cứu, làm việc ở các môi trường liên quốc gia, có khả năng thành công cao hơn trong sự nghiệp của bản thân.

Theo quy chế ĐT trình độ ThS và quy chế ĐT trình độ TS hiện hành, điều kiện đầu vào TA, chương trình học tập TA và chuẩn đầu ra năng lực TA (B1 và B2) đang được các cơ sở ĐT trình độ SĐH thực hiện. Nhiều học phần trong chương trình ĐT được giảng dạy bằng TA; các hoạt động nghiên cứu khoa học (seminar, hội thảo, bài nghiên cứu,...) được khuyến khích sử dụng TA; một số hoạt động trong quá trình ĐT yêu cầu người học phải sử dụng TA. Đó là chưa kể các chương trình liên kết ĐT, việc mời các chuyên gia ở nước ngoài tham gia giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu, hoạt động thực hành, thực tập trong ĐT trình độ SĐH được sử dụng bằng TA, thực hiện trong môi trường sử dụng TA.

3. Từ những vấn đề lí luận của công tác quản lí và thực tiễn giảng dạy bằng TA trong ĐT trình độ ThS ở một số cơ sở ĐT, cần phải triển khai một số biện pháp về việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy, nghiên cứu bằng TA theo tiêu chí tiếp cận đảm bảo chất lượng, nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nhiệm vụ cung ứng nguồn nhân lực có trình độ cao.

3.1. Xác định vị thế, tầm quan trọng của việc sử dụng TA trong giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động của chương trình ĐT trình độ ThS theo tiêu chí đảm bảo chất lượng, xem đó là điều kiện để phát triển bền vững nguồn nhân lực có trình độ cao, xây dựng thương hiệu và uy tín của cơ sở ĐT trong hội nhập quốc tế, kinh tế tri thức, trong việc phân tầng xếp hạng các cơ sở GDĐH. Không hạ thấp chất lượng việc sử dụng TA và tiêu chí, điều kiện chuẩn đầu vào và đầu ra về năng lực TA của HV; không hợp thức hóa năng lực TA cho người học, làm lãng phí nguồn lực của cơ sở ĐT, của người học và của xã hội. Xác định vai trò của TA trong hoạt động ĐT phải thống nhất, liên thông

từ GD phổ thông, từ ĐT trình độ ĐH, trình độ ThS và trình độ TS.

3.2. Xây dựng kế hoạch, xác định tiến độ sử dụng TA trong giảng dạy, nghiên cứu, đánh giá trình độ ThS ở các học phần, chuyên ngành, khóa ĐT, phù hợp với mục tiêu, nội dung ĐT, trình độ của GV, năng lực của người học và nhu cầu nhân lực có trình độ cao của xã hội. Việc sử dụng TA phải được xem là một tiêu chí bắt buộc nhằm đảm bảo chất lượng của các cơ sở ĐT. Do đặc trưng của hệ thống từ vựng, ngữ pháp, một số cơ sở ĐT triển khai giảng dạy, nghiên cứu bằng TA ở các chuyên ngành ĐT thuộc khối ngành về KH-CN, sau đó thực hiện ở các khối ngành khác theo danh mục ĐT trình độ cấp IV của Bộ GD-ĐT. Tùy điều kiện cụ thể, có thể sử dụng TA để giảng dạy toàn bộ học phần, hoặc ở một số nội dung; sử dụng để giảng dạy lí thuyết, hướng dẫn thực hành, báo cáo tiểu luận, seminar khoa học, tổ chức thi và đánh giá, luận văn tốt nghiệp. Một số cơ sở ĐT đã kết hợp giảng dạy bằng TA và giảng dạy bằng tiếng Việt trong một học phần, một chuyên ngành, một khóa học, tạo điều kiện cho ThS rèn luyện, phát triển năng lực sử dụng TA phù hợp chuẩn trình độ năng lực ngoại ngữ theo Khung tham chiếu châu Âu. Thực hiện mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau giữa việc giảng dạy TA tổng quát (TA cơ bản - basic English), TA chuyên ngành (technical English) và giảng dạy chuyên ngành bằng TA (Specialized instruction in English).

3.3. Phát triển đội ngũ GV, chuyên gia có năng lực, trình độ TA để giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tổ chức đánh giá trong ĐT trình độ ThS. Tiêu chí đảm bảo chất lượng ĐT trình độ ThS không những yêu cầu cơ sở ĐT đảm bảo đội ngũ cán bộ có trình độ, chức danh theo quy định mà điều quan trọng là đội ngũ ấy phải có năng lực sử dụng TA trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn người học. Chú ý đảm bảo cân đối, hài hòa giữa trình độ khoa học chuyên ngành và năng lực TA. Tăng cường mời thỉnh giảng đối với các nhà khoa học, các chuyên gia ở các nước sử dụng TA hoặc giảng dạy, hướng dẫn bằng TA cho HV. Huy động nguồn lực để cử GV đi ĐT, bồi dưỡng, thực tập khoa học ở các cơ sở ĐT, các quốc gia sử dụng TA. Khẳng định năng lực sử dụng TA trong công tác tuyển dụng, bố trí GV tham gia ĐT trình độ ThS, TS, tham gia hướng dẫn và đánh giá kết quả ĐT.

3.4. Chú trọng phát triển năng lực TA cho người học để đảm bảo cho hoạt động học tập, nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành là điều kiện để nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng TA trong ĐT trình độ ThS. Năng lực, trình độ sử dụng TA của người học

là một tiêu chí đảm bảo chất lượng của các cơ sở ĐT, đáp ứng như cầu của nguồn nhân lực có trình độ cao, sự phát triển của KH-CN hiện đại và quá trình toàn cầu hóa hiện nay. Thực hiện phân hóa, phân loại trình độ, năng lực TA thực tế của HV trong quá trình ĐT để xây dựng các nhóm, các học phần, các hoạt động sử dụng TA. Đặc biệt, cần thực hiện nghiêm túc, chất lượng các tiêu chí, điều kiện chuẩn đầu vào và đầu ra năng lực TA, không hợp thức hóa để HV hoàn thành chương trình ĐT. Tích hợp năng lực khoa học chuyên ngành (nội dung khoa học của học phần, chuyên ngành ĐT) và năng lực TA (phương tiện tiếp nhận, truyền đạt tri thức khoa học). Chú ý nhu cầu, nguyện vọng và năng lực thực sự của người học để bố trí, tổ chức giảng dạy các học phần bằng TA, không ép buộc hoặc nóng vội một cách chủ quan, duy ý chí.

3.5. Xây dựng môi trường học tập, nghiên cứu, đánh giá và sử dụng TA trong các CSĐT. Đa dạng hóa các hình thức bồi dưỡng năng lực TA cho mọi đối tượng trong nhà trường. Nâng cao chất lượng dạy học TA với tư cách là một học phần trong chương trình ĐT trình độ ThS. Linh hoạt, sáng tạo trong việc sử dụng các hình thức giảng dạy học phần (dạy lý thuyết, seminar, thực hành, kiểm tra,...) để phù hợp với yêu cầu khoa học của chuyên ngành và phù hợp, hấp dẫn người học. Rèn luyện kĩ năng nghe - đọc - nói - viết - dịch TA theo tiêu chí đánh giá năng lực ngoại ngữ của Khung tham chiếu Châu Âu. Xây dựng, phát triển khoa TA (khoa Ngoại ngữ), các đơn vị và trung tâm ĐT, bồi dưỡng, dịch vụ TA của cơ sở ĐT. Mở các lớp bồi dưỡng TA ngoài chương trình, xã hội hóa các hình thức học tập để nâng cao trình độ TA cho cán bộ, GV, người học và các đối tượng khác. Tăng cường sử dụng TA trong thông tin về kế hoạch, chương trình, nội dung học tập, nghiên cứu đối với các lớp, khóa, chuyên ngành ĐT trình độ ThS. Tiêu chuẩn hóa về năng lực TA của các đơn vị, cá nhân quản lý hoạt động ĐT trình độ ThS. Tạo điều kiện để HV tham gia các hoạt động khoa học, giao lưu, gặp gỡ, tiếp xúc,... được sử dụng bằng TA. Đưa năng lực sử dụng TA làm tiêu chí đánh giá, xếp loại, đề bạt, chuyển ngạch đối với cán bộ quản lý, GV, chuyên viên. Đẩy mạnh công tác xây dựng văn hóa chất lượng trong ĐT trình độ ThS, một biểu hiện của tiêu chí đảm bảo chất lượng của các cơ sở ĐT hiện nay.

3.6. Đảm bảo các điều kiện và động lực cho việc sử dụng TA trong ĐT trình độ ThS. Xây dựng kho dữ liệu, kết nối trong nước và quốc tế bằng TA; biên soạn, dịch thuật, xuất bản các giáo trình, tài liệu, ấn phẩm bằng TA phục vụ ĐT trình độ ThS. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị tương thích với việc sử

dụng TA trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đánh giá kết quả. Sử dụng TA trong đánh giá học phần, đánh giá luận văn, công khai thông tin kết quả nghiên cứu trên website của cơ sở ĐT. Tổ chức cho GV tham dự các bài giảng bằng TA do các nhà khoa học, các chuyên gia giảng dạy. Thực hiện cơ chế quản lý theo quy định của cơ sở ĐT đối với những GV có đóng góp trong việc sử dụng TA trong ĐT trình độ ThS. Liên kết với các cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp, các đơn vị, tổ chức để phối hợp, rèn luyện, nâng cao trình độ, năng lực sử dụng TA của HV. Tổ chức các chương trình giao lưu quốc tế, hội thảo khoa học, seminar học phần, trao đổi kinh nghiệm sử dụng ngoại ngữ để giúp người học nâng cao năng lực TA. Đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế trong hoạt động ĐT, nghiên cứu khoa học, đặc biệt đối với các cơ sở, các quốc gia sử dụng TA.

4. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và sự phát triển của tri thức khoa học hiện nay, việc nâng cao năng lực sử dụng TA trong ĐT nguồn nhân lực có trình độ cao là một điều kiện cần thiết đối với cơ sở ĐT, đối với người học, đáp ứng các tiêu chí về đảm bảo chất lượng trong ĐT. Đây là mục tiêu vừa có tính cấp bách, vừa có tính lâu dài, là tiêu chí quan trọng để các cơ sở ĐT cạnh tranh chất lượng và phát triển bền vững. Sử dụng TA trong ĐT trình độ ThS phải được thực hiện một cách nghiêm túc, khoa học, chất lượng, phù hợp với điều kiện đảm bảo của cơ sở ĐT, thỏa mãn nhu cầu và năng lực của người học, đáp ứng nguồn nhân lực có trình độ cao hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2014). *Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.*
- [2] Bộ GD-ĐT (2015). *Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ*
- [3] Đỗ Thị Xuân Dung - Cái Ngọc Duy Anh (2010). *Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành trước tình hình mới - Thách thức và giải pháp.* Tạp chí Khoa học, Đại học Huế, số 60.
- [4] Cao Cự Giác (2016). *Thiết kế bài giảng Hóa học bằng tiếng Anh dạy học ở trường trung học phổ thông.* Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 124.
- [5] Đặng Ngọc Phúc (2014). *Đổi mới và hoàn thiện quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội theo hướng đảm bảo chất lượng.* Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 104.